

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/DS-PT

Ngày 06 - 7 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh
Byã- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLPT-DS ngày 19/5/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2022/QĐ-PT ngày 06/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà N Aliö, sinh năm 1958; địa chỉ: Buôn G, xã L, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Hoàng L1; địa chỉ: Đường T, phường T1, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022); Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Lê Văn T2; địa chỉ: Buôn F, xã L, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà N Aliö.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Ngày 09/3/2019, ông Lê Văn T2 chở bà N Aliõ đến nhà bà Phan Thị H để mượn số tiền 280.000.000 đồng mục đích để trả nợ ngân hàng. Do bà H có quen biết với ông T2 nên bà đã đồng ý cho vay số tiền trên. Hai bên có lập giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 3%/tháng nhưng không ghi mức lãi suất vào giấy vay tiền. Để làm tin, bà N Aliõ có để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 892117 do UBND huyện B cấp ngày 04/9/2015 cho hộ N Aliõ để đảm bảo cho khoản vay trên. Tuy nhiên, quá hạn trả nợ bà N Aliõ không trả số nợ trên và liên tục khất nợ. Bà N Aliõ có đến để thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T2 để vay trả nợ cho bà, đồng thời mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N Aliõ trả số tiền nợ gốc 280.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày vay đến khi trả hết nợ, tạm tính đến ngày làm đơn khởi kiện (ngày 09/10/2021) là 84.000.000 đồng. Sau khi bà N Aliõ trả xong khoản nợ nêu trên bà sẽ hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H tự nguyện rút một phần khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi, chỉ yêu cầu bà N trả số nợ gốc 280.000.000 đồng.

Bị đơn bà N Aliõ có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Hoàng L1 trình bày:

Ngày 05/6/2017, bà N Aliõ cần vay tiền nên nhờ ông Lê Văn T2 chở đến nhà bà Phan Thị H ở thôn A, xã E, huyện B để vay số tiền 110.000.000 đồng và có để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 892117 đứng tên hộ N Aliõ để đảm bảo khoản vay trên. Tới năm 2019 bà N vẫn chưa thanh toán được số nợ gốc và lãi cho bà H, bà H yêu cầu bà N đến nhà bà H để tính lại gốc và lãi. Đến ngày 09/3/2019, bà N nhờ ông Lê Văn T2 tiếp tục chở qua nhà bà H để thỏa thuận về thời gian trả nợ nên bà H viết lại giấy vay tiền mới với số tiền 280.000.000 đồng và ép bà ký vào giấy vay tiền có ông Lê Văn T2 ký người làm chứng. Tuy nhiên, do bà N không có điều kiện trả số tiền trên nên bà H khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 09/3/2019 và lãi suất phát sinh. Bà N Aliõ thừa nhận chỉ vay của bà H số nợ gốc 110.000.000 đồng, nay bà chỉ đồng ý trả lại số nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng với lãi suất theo lãi suất ngân hàng từ thời điểm vay tháng 06 năm 2017 cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N giao nộp tài liệu, chứng cứ là một tờ lịch treo tường, mặt trước có thể hiện ngày 19 tháng 11 năm 2021, mặt sau thể hiện một dãy số ghi bằng bút bi không thể hiện được nội dung. Bị đơn cho rằng đây là tài liệu chứng minh việc bà H tính lãi của số tiền gốc 110.000.000 đồng và tính tiền lãi lên đến 170.000.000 đồng tính ra số tiền 280.000.000 đồng như bà H khởi kiện, nên bị đơn cho rằng bà H cho vay nặng lãi.

Người làm chứng ông Lê Văn T2 trình bày:

Bà N Aliô có nhờ ông T2 chở qua nhà bà Phan Thị H vay tiền. Năm 2017 ông có chứng kiến bà N Aliô vay của bà H số tiền 110.000.000 đồng và có để lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo. Đối với giấy vay tiền ngày 09/3/2019 ông có ký vào với tư cách người làm chứng, tuy nhiên ông không biết việc vay mượn hay thỏa thuận như thế nào. Bà N Aliô có nhờ ông đi cùng tới nhà bà H và ngồi ở ngoài sau đó bà H gọi ông vào ký người làm chứng, nên ông ký vào giấy vay tiền khi đó đã thấy bà N Aliô đọc đi đọc lại nhiều lần và đã ký vào giấy vay tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H. Buộc bà N Aliô phải trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc 280.000.000 đồng

2. Đình chỉ một phần khởi kiện của bà Phan Thị H đối với yêu cầu tính tiền lãi.

3. Bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà N Aliô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 892117 do UBND huyện B cấp ngày 04/9/2015 cho hộ N Aliô sau khi bà N Aliô trả xong nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà N Aliô phải chịu 7.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị H 9.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0002416 ngày 21/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/4/2022, bà N Aliô kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bà được trả số tiền gốc 110.000.000 đồng theo giấy vay ngày 05/6/2017 và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự – Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà N Aliõ; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn về phần án phí.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn xét xử sơ thẩm. Ngày 05/4/2022, bị đơn bà N Aliõ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của bà N là trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà N Aliõ:

Bà N Aliõ cho rằng ngày 09/3/2019 bà không vay của bà Phan Thị H số tiền gốc 280.000.000 đồng, mà cho rằng số tiền này là do bà H làm giấy chốt nợ cộng gộp cả tiền gốc và lãi của số tiền gốc 110.000.000 đồng bà H cho bà N vay từ ngày 05/6/2017.

Xét thấy, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có tồn tại khoản vay 110.000.000 đồng mà bà N vay của bà H ngày 05/6/2017, cũng như tài liệu, chứng cứ thể hiện giấy vay tiền 280.000.000 đồng ngày 09/3/2019 là giấy chốt nợ gồm gốc và lãi của số tiền 110.000.000 đồng. Đối với 01 tờ lịch ghi các chữ số ở mặt sau do bà N cung cấp cho rằng bà H tính toán tiền lãi của số tiền gốc 110.000.000 đồng để cộng gộp lại thành 280.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bà H đã thừa nhận chữ viết của mình trong tờ lịch nói trên nhưng do bị sức ép, bà H cũng không biết đã viết nội dung gì và các chữ số viết trên tờ lịch không thể hiện số tiền các bên tranh chấp. Bà N không đưa ra được chứng cứ thể hiện mức lãi suất của khoản vay 110.000.000 đồng để làm căn cứ tính ra số tiền lãi là 170.000.000 đồng như bà N trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N Aliõ là có căn cứ và đúng pháp luật; đồng thời quyết định đình chỉ đối với một phần khởi kiện của bà Phan Thị H đối với yêu cầu tính tiền lãi là có căn cứ và đúng pháp luật. bà N

Aliõ kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó không chấp nhận kháng cáo của bà N Aliõ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà N Aliõ sinh năm 1958, là người cao tuổi và là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, nên bà N Aliõ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà N Aliõ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà N Aliõ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk về phần án phí.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H. Buộc bà N Aliõ phải trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc 280.000.000 đồng.

[2.2] Đình chỉ một phần khởi kiện của bà Phan Thị H đối với yêu cầu tính tiền lãi.

[2.3] Bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà N Aliõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 892117 do UBND huyện B cấp ngày 04/9/2015 cho hộ N Aliõ sau khi bà N Aliõ trả xong nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N Aliõ được miễn T2 bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phan Thị H 9.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0002416 ngày 21/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N Aliõ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà N Aliõ được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0002583 ngày 08/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết